

Số: 476/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Khánh Hòa;  
cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26/12/2017 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 05/TTT-TTr ngày 29/01/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Khánh Hòa; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT.HĐND tỉnh; Ban PC HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phòng KSTTHC, Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HTh, DL.



**Nguyễn Duy Bắc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH;  
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)*

| TT                                | Tên thủ tục hành chính                                   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|-----------------------------------|--|--|---|-------------|--|
| <b>Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo</b> |  |  |   |             |  |
| 1                                 | Tiếp công dân tại cấp tỉnh.<br>(Mã số hồ sơ: TTR-000013) | Trong ngày làm việc  | - Tại trụ sở tiếp công dân của UBND tỉnh, địa chỉ 26 Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa.<br><br>- Tại bộ phận tiếp công dân của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. | Không       | Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tố cáo năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân. |
| 2                                 | Xử lý đơn tại cấp tỉnh.                                  | Thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | - Tại trụ sở tiếp công dân của UBND tỉnh, địa chỉ 26 Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa.<br><br>- Tại UBND tỉnh.  | Không       | Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tố cáo năm 2011; Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh  |

|   |   |   |   |       |   |
|---|---|---|---|-------|---|
|   |   |   | - Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.                         |       | tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.  |
| 3 | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh.<br>(Mã số hồ sơ: TTR-000002) | Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.<br><br>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. | - Tại UBND tỉnh.<br><br>- Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.     | Không | Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013. |
| 4 | Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh.<br>(Mã số hồ sơ: TTR-000006) | Không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.<br><br>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời   | - Tại UBND tỉnh.<br><br>- Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. | Không | Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013. |



|   |  |   |   |       |   |
|---|--|---|---|-------|---|
|   |  | hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.   |   |       |   |
| 5                                       | Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh.<br>(Mã số hồ sơ: TTR-000009) | Không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo.<br>Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày. | - Tại UBND tỉnh.<br>- Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. | Không | Luật Tố cáo năm 2011; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo; Thông tư 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.                        |
| <b>Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng</b> |  |   |   |       |   |
| 1                                       | Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.            | Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.   | -Tại UBND tỉnh.<br>-Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.       | Không | Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập. |
| 2                                       | Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.             | Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCT đến ngày 31   | -Tại UBND tỉnh.<br>-Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.       | Không | Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập. |

|   |                                       |  |   |       |  |
|---|---------------------------------------|--|---|-------|--|
|   |                                       | tháng 3 hàng năm.  |   |       |  |
| 3 | Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập.   | Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.   | Thanh tra tỉnh.   | Không | Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.  |
| 4 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình. | Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình (Mẫu số 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014)  | -Tại UBND tỉnh.<br>-Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. | Không | Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013. |
| 5 | Thủ tục thực hiện việc giải trình.    | Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình. | -Tại UBND tỉnh.<br>-Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. | Không | Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013. |